

**UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MN HOA LAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 017/QĐ-MNHL

Gò Vấp, ngày 31 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2023 của
Trường Mầm non Hoa Lan**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2023 của Trường Mầm non Hoa Lan;

- Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Hoa Lan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2023 của Trường Mầm non Hoa Lan (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Mầm non Hoa Lan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Diễm Trang

Gò Vấp, ngày 31 tháng 1 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Hoa Lan công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí	919.000.000	811.960.000	88,4%	
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	919.000.000	679.473.873	74%	235%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.943.721.313	3.029.142.802		
I.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
a)	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	5.226.009.000	5.225.931.898	100%	288%
b)	Kinh phí giao không tự chủ (nguồn 14)	2.713.396.727	1.126.651.313	42%	113%
c)	Kinh phí giao không tự chủ (nguồn 12)	2.004.315.586	-3.323.440.409	-166%	
I.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Gò Vấp, ngày 31 tháng 1 năm 2024
Hiệu trưởng

Mai Diễm Trang

TRƯỜNG MÀM NON HOA LAN

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2023

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2023

	Nguồn 13 (chi TX giao tự chủ)	Nguồn 14 (chi TX không giao tự chủ)	Nguồn 12 (chi TX không giao tự chủ)	Tổng cộng
Tồn năm 2022 chuyển sang	0	197.235.727	0	197.235.727
Dự toán giao trong năm 2023	5.226.009.000	2.516.161.000	2.004.315.586	9.746.485.586
Dự toán đã sử dụng	5.225.931.898	2.334.242.675	1.901.041.791	9.461.216.364
+ Quý 1	0	0	1.299.112.057	1.299.112.057
+ Quý 2	0	703.290.527	1.861.349.840	2.564.640.367
+ Quý 3	0	504.300.835	2.064.020.303	2.568.321.138
+ Quý 4	5.225.931.898	1.126.651.313	-3.323.440.409	3.029.142.802
Tồn cuối kỳ	77.102	379.154.052	103.273.795	482.504.949

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên giao TC (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
		5.225.931.898	5.225.931.898
6000	Tiền lương	1.854.112.612	1.854.112.612
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.854.112.612	1.854.112.612
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	33.360.000	33.360.000
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	33.360.000	33.360.000
6100	Phụ cấp lương	1.296.572.098	1.296.572.098
6101	Phụ cấp chức vụ	43.806.000	43.806.000
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	362.016.897	362.016.897
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	628.197.292	628.197.292
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	2.980.000	2.980.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	259.571.909	259.571.909
6300	Các khoản đóng góp	514.708.930	514.708.930
6301	Bảo hiểm xã hội	383.293.863	383.293.863
6302	Bảo hiểm y tế	65.707.528	65.707.528
6303	Kinh phí công đoàn	43.805.006	43.805.006
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	21.902.533	21.902.533
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	934.605.693	934.605.693
6449	Chi khác	934.605.693	934.605.693
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	38.362.105	38.362.105
6501	Tiền điện	36.876.881	36.876.881
6502	Tiền nước	1.485.224	1.485.224
6550	Vật tư văn phòng	1.680.580	1.680.580



6551	văn phòng phẩm	1.680.580	1.680.580
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.567.084	3.567.084
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	327.084	327.084
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	1.920.000	1.920.000
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	1.320.000	1.320.000
6700	Công tác phí	27.600.000	27.600.000
6704	Khoản công tác phí	27.600.000	27.600.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	79.931.509	79.931.509
6907	Nhà cửa	79.931.509	79.931.509
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	38.253.300	38.253.300
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	38.253.300	38.253.300
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	403.177.987	403.177.987
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	188.860.188	188.860.188
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	137.000.000	137.000.000
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	37.000.000	37.000.000
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	40.317.799	40.317.799



2/Chi thường xuyên không giao TC (nguồn 14) :

- Tăng lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP: 0 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong quý 4 năm 2023: 1.126.651.313 đồng.

3/Chi thường xuyên không giao TC (nguồn 12) :

- Điều chỉnh giảm chi NS nguồn 12 do điều chỉnh nguồn: 3.323.440.409 đồng.

Người lập

Nguyễn Hà Mai Phương

Gò Vấp, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Hiệu trưởng



Mai Diễm Trang